

Số: 2491/TT-VEC

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2022

### TỜ TRÌNH

V/v: Xin phê duyệt Kế hoạch quản lý vận hành, bảo trì và thu phí năm 2023 các tuyến đường cao tốc: Cầu Giẽ - Ninh Bình, Nội Bài - Lào Cai, Đà Nẵng - Quảng Ngãi và Tp. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây

**CÔNG VĂN ĐẾN**

Số: 287

Ngày 11 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: Hội đồng thành viên.

Căn cứ Nghị định 32/2014/NĐ-CP ngày 22/4/2014 của Chính phủ về quản lý khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;

Căn cứ Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1202/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm một số cơ chế, chính sách áp dụng cho các dự án đầu tư, khai thác đường bộ cao tốc do Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam làm chủ đầu tư;

Căn cứ Thông tư 90/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ GTVT về việc hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc; Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13/8/2018 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 90/2014/TT-BGTVT;

Căn cứ Thông tư 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ GTVT về việc Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018;

Căn cứ Quyết định số 3789/QĐ-BGTVT ngày 23/11/2016 của Bộ GTVT v/v phê duyệt phương án tài chính 05 dự án đường cao tốc do VEC là chủ đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ Xây dựng về việc xác định chi phí bảo trì xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ giao thông vận tải về việc ban hành định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

Căn cứ TCCS 16:2016/TCĐBVN - Tiêu chuẩn quản lý và khai thác đường cao tốc - Tuần đường và xử lý sự cố trên đường cao tốc ban hành kèm theo Quyết định số 1738/QĐ-TCĐBVN ngày 01/8/2016 của Tổng cục đường bộ Việt Nam;

Căn cứ TCCS 17:2016/TCĐBVN - Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên công trình đường cao tốc ban hành kèm theo Quyết định số 1739/QĐ-TCĐBVN ngày 01/8/2016 của Tổng cục đường bộ Việt Nam; *th*

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-BGTVT ngày 06/06/2016 của Bộ GTVT về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam;

Căn cứ Văn bản số 111/UBQLV-CNHT ngày 20/01/2020 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về thẩm quyền phê duyệt một số nội dung liên quan đến công tác quản lý khai thác các tuyến đường cao tốc do VEC làm chủ đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 8549/BGTVT-CNHT ngày 10/9/2019 của Bộ GTVT về việc công tác quản lý khai thác các tuyến đường cao tốc do VEC quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 500/NQ-VEC-HĐTV ngày 08/9/2021 của Hội đồng thành viên về việc chấp thuận điều chỉnh chi phí các hạng mục trong kế hoạch quản lý vận hành, bảo trì và thu phí hàng năm các tuyến đường cao tốc VEC quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số 578/NQ-VEC-HĐTV ngày 12/10/2022 của Hội đồng thành viên tại cuộc họp HĐTV bất thường kỳ 02 tháng 10 năm 2022;

Căn cứ các Hợp đồng dịch vụ quản lý vận hành, bảo dưỡng thường xuyên, tổ chức thu phí các tuyến đường cao tốc giữa Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam và các đơn vị cung cấp dịch vụ;

Căn cứ tình hình thực tế công tác quản lý khai thác các tuyến đường cao tốc năm 2022;

Tổng giám đốc kính trình Hội đồng thành viên xem xét, phê duyệt kế hoạch quản lý vận hành, bảo trì và thu phí năm 2023 các tuyến đường cao tốc: Cầu Giẽ - Ninh Bình, Nội Bài - Lào Cai, Đà Nẵng - Quảng Ngãi và Tp. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây với kinh phí dự kiến thực hiện (bao gồm VAT) là: **1.052,522 triệu đồng** (Bằng chữ: Một nghìn không trăm năm mươi hai tỷ, năm trăm hai mươi hai triệu đồng)

(Kế hoạch chi tiết các tuyến có phụ lục đính kèm)

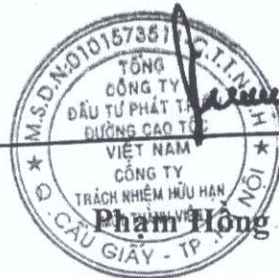
Trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế công tác quản lý khai thác các tuyến đường, định mức, tiêu chuẩn bảo trì, khai thác và tiêu chuẩn kỹ thuật, Tổng giám đốc sẽ chủ động điều chỉnh kinh phí giữa các hạng mục, sử dụng kinh phí dự phòng trên nguyên tắc không vượt tổng chi phí được duyệt của từng tuyến theo tinh thần Nghị quyết số 500/NQ-VEC-HĐTV ngày 08/9/2021 của Hội đồng thành viên.

Kính đề nghị Hội đồng thành viên xem xét, quyết định để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận: *vt*

- Như trên;
- Các PTGD VEC;
- Các Ban: TĐ, KHKD, TCKT, ĐT;
- VECM;
- Trung tâm KTVH ĐNQN;
- Lưu VT, QLKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Hồng Quang

**THUYẾT MINH**  
**KẾ HOẠCH CÔNG TÁC QUẢN LÝ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ**  
**VÀ THU PHÍ NĂM 2023**

Các tuyến cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, Nội Bài – Lào Cai, Đà Nẵng – Quảng Ngãi và TP. Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây

(Kèm theo Tờ trình số ~~2491~~ /TTr-VEC ngày ~~10~~ /11/2022)

**I. CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Nghị định 32/2014/NĐ-CP ngày 22/4/2014 của Chính phủ về quản lý khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;

Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư 90/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ GTVT về việc hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc; Thông tư số 45/2018/TT-BGTVT ngày 13/8/2018 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 90/2014/TT-BGTVT;

Thông tư 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ GTVT về việc Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018;


Thông tư số 40/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ giao thông vận tải về việc ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật công tác thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ đối với các dự án xây dựng đường độ do Bộ GTVT quản lý ;

Thông tư số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ giao thông vận tải về việc ban hành định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ ;

Thông tư số 45/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ GTVT Quy định về hoạt động trạm thu phí đường bộ ;

Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng ;

Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng ;

Quyết định số 1738/QĐ-TCĐBVN ngày 01/08/2016 của TCĐBVN về việc ban hành Tiêu chuẩn cơ sở quản lý và khai thác đường cao tốc - Tuân tra và xử lý sự cố trên đường cao tốc TCCS 16: 2016/TCĐBVN; 

Quyết định số 1739/QĐ-TCĐBVN ngày 01/08/2016 của TCĐBVN về việc ban hành Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường cao tốc TCCS 17: 2016/TCĐBVN;

Quyết định số 739/QĐ-VEC- HĐTV ngày 16/11/2015 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam về việc ban hành định mức nội bộ, tạm thời công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng đường cao tốc; Quyết định số 336/QĐ-VEC-HĐTV ngày 14/6/2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam về việc điều chỉnh và bổ sung định mức nội bộ, tạm thời công tác Quản lý, vận hành và bảo dưỡng đường cao tốc;

Văn bản số 111/UBQLV-CNHT ngày 20/01/2020 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc thẩm quyền phê duyệt một số nội dung liên quan đến công tác quản lý khai thác các tuyến đường cao tốc do VEC làm chủ đầu tư;

Các Quyết định của Bộ GTVT về việc phê duyệt phương án tổ chức giao thông các đường cao tốc: Cầu Giẽ - Ninh Bình, Nội Bài - Lào Cai, Đà Nẵng - Quảng Ngãi và Tp. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây;

Quyết định số 542/QĐ-VEC ngày 26/9/2022 của VEC về việc ban hành Quy trình tạm thời về công tác vận hành và bảo trì các tuyến cao tốc do VEC quản lý, khai thác;

Văn bản số 2334/BXD-KTXD ngày 02/10/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định chi phí dự phòng trượt giá trong giai đoạn khai thác các dự án đầu tư theo hình thức PPP;

Nghị quyết số 500/NQ-VEC-HĐTV ngày 08/9/2021 của Hội đồng thành viên về việc chấp thuận điều chỉnh chi phí các hạng mục trong kế hoạch quản lý vận hành, bảo trì và thu phí hàng năm các tuyến đường cao tốc VEC quản lý;

Hợp đồng số 35/2022-VEC-TASCO ngày 7/6/2022 giữa VEC và Công ty Cổ phần TASCO về gói thầu DVTP: Thuê dịch vụ thu phí các dự án đường cao tốc do VEC quản lý, khai thác;

Hợp đồng số 33/HĐ-VEC/2021 ngày 28 tháng 9 năm 2021 giữa Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam về việc thực hiện gói thầu O&M1-CGNB-2021: Bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu, đường, cây xanh, thảm cỏ, nhà điều hành trạm thu phí và hệ thống điện chiếu sáng đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình;

Hợp đồng số 08/HĐ-VEC/2022 ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam và Công ty cổ phần Quản lý và Đầu tư xây dựng công trình 238 về việc thực hiện gói thầu O&M1-NBLC-2021: Bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu, đường, hầm, cây xanh, thảm cỏ, nhà điều hành trạm thu phí và hệ thống điện chiếu sáng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (Km0-Km109+750) trong thời gian 18 tháng;

Hợp đồng số 06/HĐ-VEC/2022 ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam về việc thực hiện gói thầu O&M2-NBLC-2021: Bảo dưỡng thường

xuyên công trình cầu, đường, hầm, cây xanh, thảm cỏ, nhà điều hành trạm thu phí và hệ thống điện chiếu sáng đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai (Km109+750-Km244+155) trong thời gian 18 tháng;

Hợp đồng số 65/HĐ-VEC/2022 ngày 30/9/2022 giữa VEC và Công ty cổ phần Quản lý và Đầu tư xây dựng công trình 238 về việc thực hiện gói thầu O&M1-HLD-2022: Bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu, đường, cây xanh, nhà điều hành trạm thu phí, hệ thống điện chiếu sáng, an toàn giao thông, vận chuyển nhân công thiết bị thi công, quản lý kiểm tra công trình tuyến cao tốc Tp.HCM-LT-DG trong thời gian 12 tháng;

Văn bản số 2031/VEC-QLKT ngày 20/10/2021 về việc lập, trình duyệt dự toán công tác quản lý vận hành, bảo trì và thu phí;

Nghị quyết số 578/NQ-VEC-HĐTV ngày 12/10/2022 của Hội đồng thành viên tại cuộc họp HĐTV bất thường kỳ 02 tháng 10 năm 2022;

Tình hình thực tế công tác quản lý khai thác năm 2022 các tuyến đường cao tốc;

## II. NỘI DUNG, PHẠM VI CÔNG VIỆC

Kế hoạch công tác quản lý vận hành, bảo trì, thu phí năm 2023 các tuyến cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, Nội Bài – Lào Cai, Đà Nẵng – Quảng Ngãi và TP. Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây bao gồm các nội dung chính như sau:

### 1. Công tác quản lý vận hành đường cao tốc

#### 1.1 Phạm vi công việc

Bao gồm các hạng mục công việc chủ yếu sau: Quản lý hành lang ATGT; Tuân đường; Điều hành giao thông; Trục bảo vệ nhà điều hành ITS; Trung tâm bảo dưỡng kỹ thuật; Kiểm tra ban đầu, định kỳ, đột xuất; Kiểm tra cầu; quản lý hồ sơ cầu, cập nhật tình trạng kỹ thuật cầu; Kiểm tra tải trọng xe;

#### 1.2 Khối lượng, tần suất thực hiện

Theo Quyết định số 542/QĐ-VEC ngày 26/9/2022 của VEC về việc ban hành Quy trình tạm thời về công tác vận hành và bảo trì các tuyến cao tốc do VEC quản lý, khai thác và thực tế thực hiện của năm 2022 và các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

#### 1.3 Định mức áp dụng

- Vận hành: Áp dụng định mức ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ giao thông vận tải về việc ban hành định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ;

- Kiểm tra tải trọng xe: Tạm thời áp dụng định mức ban hành kèm theo Quyết định số 739/QĐ-VEC-HĐTV ngày 16/11/2015 của Hội đồng thành viên VEC. Trường hợp Bộ GTVT ban hành định mức cho công tác này, VEC sẽ cập nhật và điều chỉnh.

#### 1.4 Chi phí nhân công

Đơn giá nhân công được xây dựng căn cứ theo các văn bản hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

### 1.5 Chi phí ca máy

Chi phí ca máy được xây dựng trên cơ sở Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và các Quyết định ban hành đơn giá ca máy địa phương tuyên đi qua.

## 2. Công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên đường cao tốc

a) Đối với tuyến cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình: Theo Hợp đồng số 33/HĐ-VEC/2021 ngày 28 tháng 9 năm 2021 giữa VEC và VECS về việc thực hiện gói thầu O&M1-CGNB-2021: Bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu, đường, cây xanh, thảm cỏ, nhà điều hành trạm thu phí và hệ thống điện chiếu sáng đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình đến hết tháng 03/2023. Từ tháng 04/2023-31/12/2023 vận dụng theo Hợp đồng số 33 để tính toán và nhân với tỷ lệ trượt giá là 3,81%. Năm 2023, Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch bố trí vốn để thanh toán cho các hạng mục VECS sẽ thực hiện theo quy định Hợp đồng đến hết tháng 03/2023 và Nhà thầu trúng thầu giai đoạn từ ngày 01/4/2023 trở đi.

b) Đối với tuyến cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Theo Hợp đồng số 08/HĐ-VEC/2022 ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa VEC và Công ty cổ phần Quản lý và Đầu tư xây dựng công trình 238 về việc thực hiện gói thầu O&M1-NBLC-2021: Bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu, đường, hầm, cây xanh, thảm cỏ, nhà điều hành trạm thu phí và hệ thống điện chiếu sáng đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai (Km0-Km109+750) trong thời gian 18 tháng và Hợp đồng số 06/HĐ-VEC/2022 ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa VEC và VECS về việc thực hiện gói thầu O&M2-NBLC-2021: Bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu, đường, hầm, cây xanh, thảm cỏ, nhà điều hành trạm thu phí và hệ thống điện chiếu sáng đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai (Km109+750-Km244+155) trong thời gian 18 tháng;

c) Đối với tuyến Tp. Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây: Theo Hợp đồng số 65/HĐ-VEC/2022 ngày 30/9/2022 giữa VEC và Công ty cổ phần Quản lý và Đầu tư xây dựng công trình 238 về việc thực hiện gói thầu O&M1-HLD-2022: Bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu, đường, cây xanh, nhà điều hành trạm thu phí, hệ thống điện chiếu sáng, an toàn giao thông, vận chuyển nhân công thiết bị thi công, quản lý kiểm tra công trình tuyến cao tốc Tp.HCM-LT-DG trong thời gian 12 tháng (01/10/2022-01/10/2023). Từ tháng 10/2023-31/12/2023 vận dụng theo Hợp đồng số 65 để tính toán và nhân với tỷ lệ trượt giá là 3,81%. Năm 2023, Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch bố trí vốn để thanh toán cho các hạng mục Công ty 238 sẽ thực hiện theo quy định Hợp đồng đến hết tháng 09/2023 và Nhà thầu trúng thầu giai đoạn từ ngày 01/10/2023 trở đi.

d) Đối với tuyến Đà Nẵng – Quảng Ngãi: VEC giao Trung tâm Khai thác vận hành đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi tổ chức thực hiện, kể từ ngày 01/01/2022. Kế hoạch năm 2023 được xây dựng trên cơ sở giá trị dự toán/giá trị kế hoạch được duyệt của năm 2022 nhân với tỷ lệ trượt giá là 3,81%. Năm 2023, Tổng

giám đốc xây dựng kế hoạch bố trí vốn để thanh toán cho các hạng mục Trung tâm ĐNQN sẽ thực hiện theo nhiệm vụ được VEC giao.

### 3. Công tác quản lý thu phí trên đường cao tốc

3.1. Kinh phí tổ chức thu: Kế hoạch năm 2023 công tác tổ chức thu phí trên các tuyến đường cao tốc được xây dựng trên cơ sở giá trị Hợp đồng số 35/2022-VEC-TASCO ngày 7/6/2022 giữa VEC và Công ty Cổ phần TASCO về gói thầu DVTP: Thuê dịch vụ thu phí các dự án đường cao tốc do VEC quản lý, khai thác và một số hạng mục công việc phát sinh.

3.2. Kinh phí cho công tác giám sát thu phí của Nhà đầu tư: Ước tính theo quy định tại Thông tư số 40/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ giao thông vận tải về việc ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật công tác thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ đối với các dự án xây dựng đường bộ do Bộ GTVT quản lý.

### 4. Công tác sửa chữa định kỳ, đột xuất

#### 4.1. Sửa chữa định kỳ

- Các hạng mục chuyển tiếp năm 2022: Một số hạng mục đã được Tổng giám đốc tổ chức thực hiện trong năm 2022 nhưng chưa hoàn thành, kiến nghị chuyển tiếp sang tiếp tục thực hiện trong năm 2023 để đảm bảo công tác khai thác an toàn, ổn định.

- Các hạng mục làm mới năm 2023: Căn cứ thực tế thực hiện của năm 2022, hiện trạng công trình tại thời điểm xây dựng kế hoạch, Tổng giám đốc đề xuất thực hiện một số hạng mục công việc và bố trí kinh phí để sửa chữa mới năm 2023 như sau:

+ Đối với tuyến Nội Bài – Lào Cai: Tổng giám đốc đã thành lập Tổ công tác QLDA các hạng mục sửa chữa định kỳ tuyến cao tốc Nội Bài – Lào Cai tại Quyết định số 440/QĐ-VEC ngày 27/7/2022. Giá trị các hạng mục làm mới năm 2023 được ước tính theo kết quả báo cáo của Tổ 440, VECM, trong đó một số vị trí cần ưu tiên sửa chữa ngay để đảm bảo an toàn.

+ Đối với tuyến Cầu Giẽ - Ninh Bình: Qua rà soát thực tế tại thời điểm xây dựng kế hoạch, bổ sung các hạng mục công trình làm mới trong năm 2023 sau: (i) Sửa chữa Trung tâm điều hành, nút giao Vực Vòng (ii) Sửa chữa hư hỏng công trình, hạng mục công trình - nút giao Liêm Tuyền,...

+ Đối với tuyến Tp. Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây: Bổ sung một số hạng mục mới như (i) Sửa chữa mặt đường: Km18+000-Km20+000 (TT), Km38+000-Km40+000 (PT), Km43+600 đến Km43+700 (PT), Km45+000 đến Km45+350 (PT), Km48+500 đến Km48+600 (PT), Km41+170 đến Km41+270 (TT), Km47+300 đến Km47+400 (TT) (ii) 'Sửa chữa mặt đường Quốc lộ 1A đoạn nút giao Dầu Giây.

4.2. Sửa chữa đột xuất: Ước tính trên cơ sở thực tế tại thời điểm lập kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh hạng mục công việc đột xuất, Tổng giám đốc sẽ chủ động sử dụng kinh phí từ dự phòng để tổ chức thực hiện; trường hợp

th

kinh phí hạng mục phát sinh làm vượt kinh phí dự phòng, Tổng giám đốc sẽ trình Hội đồng thành viên xem xét điều chỉnh, bổ sung kế hoạch.

## 5. Công tác khác

Ước tính trên cơ sở thực tế thực hiện của năm 2022 và tại thời điểm xây dựng kế hoạch năm 2023.

## 6. Chi phí quản lý của VEC

6.1. Chi phí quản lý của VEC trong công tác tổ chức thu phí: Ước tính theo quy định tại Thông tư số 40/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ giao thông vận tải về việc ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật công tác thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ đối với các dự án xây dựng đường độ do Bộ GTVT quản lý, tương đương 70% kinh phí của công tác giám sát thu phí của Nhà đầu tư tại mục 3.2.

6.2. Chi phí quản lý của VEC trong công tác Quản lý vận hành, BDTX, SCĐK, SCĐX và sửa chữa đột xuất dưới 500 triệu đồng: Ước tính theo quy định tại Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng, tương đương 3,5% tổng chi phí của các hạng mục này. Chi phí thực tế tăng/giảm phụ thuộc vào giá trị hợp đồng/dự toán duyệt chính thức, tiến độ thực hiện các gói thầu.

6.3. Chi phí quản lý của VEC trong công tác sửa chữa công trình trên 500 triệu đồng (lập BCKTKT và Dự án đầu tư): Ước tính theo quy định tại Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng. Chi phí thực tế tăng/giảm phụ thuộc vào giá trị hợp đồng/dự toán duyệt chính thức, tiến độ thực hiện các gói thầu.

## 7. Dự phòng:

Tạm tính 5% tổng kinh phí dự kiến thực hiện từ mục 1 đến mục 6 nêu trên. Trong quá trình triển khai kế hoạch năm 2023, căn cứ vào thực tế tại các thời điểm thực hiện, trường hợp có những hạng mục phát sinh, Tổng giám đốc sẽ chủ động sử dụng kinh phí dự phòng để thực hiện đảm bảo công tác khai thác an toàn, ổn định.

## 8. Tỷ lệ trượt giá

Tỷ lệ trượt giá vận dụng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 2334/BXD-KTXD ngày 02/10/2019 về việc hướng dẫn xác định chi phí dự phòng trượt giá trong giai đoạn khai thác các dự án đầu tư theo hình thức PPP, trong đó hướng dẫn: “Đối với chi phí quản lý, khai thác vận hành: Sử dụng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trung bình của 10 năm gần nhất và có xem xét loại trừ các năm có CPI biến động lớn”. Theo thống kê, tỷ lệ trượt giá trung bình giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2021 là 3,81%, cụ thể:

Nội dung	Đơn vị	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Average (10 năm)
CPI	%	18,58	9,21	6,60	4,09	0,63	2,66	3,53	3,54	2,79	3,23	1,84	3,81

24

### III. KINH PHÍ

Tổng kinh phí dự kiến cho công tác quản lý vận hành, bảo trì và thu phí đối với 4 tuyến cao tốc do VEC quản lý khai thác năm 2023 (bao gồm VAT) là: **1.052,522 triệu đồng** (Bằng chữ: Một nghìn không trăm năm mươi hai tỷ, năm trăm hai mươi hai triệu đồng)

*(Có Phụ lục chi tiết cho từng tuyến kèm theo).*

Kinh phí nêu trên là dự kiến. Căn cứ tình hình thực tế công tác quản lý khai thác các tuyến đường, căn cứ định mức, tiêu chuẩn bảo trì, khai thác và tiêu chuẩn kỹ thuật, Tổng giám đốc sẽ chủ động điều chỉnh kinh phí giữa các hạng mục, sử dụng chi phí dự phòng trên nguyên tắc không vượt tổng kinh phí được duyệt của từng tuyến theo tinh thần Nghị quyết số 500/NQ-VEC-HĐTV ngày 08/9/2021 của Hội đồng thành viên.

Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hạng mục công việc, khối lượng và chi phí thực hiện công việc do xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc khi có phát sinh công việc ngoài phạm vi kế hoạch được duyệt, Tổng giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng thành viên xem xét điều chỉnh, bổ sung kế hoạch./.

tt

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ KHAI THÁC NĂM 2023

Các tuyến cao tốc: Cầu Giẽ - Ninh Bình, Nội Bài - Lào Cai, Đà Nẵng - Quảng Ngãi, TP. Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây

(Kèm theo Tờ trình số 24/TT-VEC ngày 30/11/2022)

TT	Hạng mục / Tuyến	Cầu Giẽ Ninh Bình			Nội Bài - Lào Cai			Đà Nẵng - Quảng Ngãi			TP. HCM - LT - DG			Tổng cộng			Ghi chú
		PATC 3789	PATC 2323	KH 2023	PATC 3789	PATC 2323	KH 2023	PATC 3789	PATC 2323	KH 2023	PATC 3789	PATC 2323	KH 2023	PATC 3789	PATC 2323	KH 2023	
1	Quan lý vận hành	17.104	17.966	13.831	66.317	43.145	31.451	47.604	32.423	9.530	20.410	18.071	11.329	151.434	111.606	66.141	Ước tính theo Tiêu chuẩn, định mức
2	Bảo dưỡng thường xuyên	44.648	15.018	10.737	125.157	63.780	61.088	89.838	36.446	23.915	33.879	18.471	18.903	293.522	133.714	114.643	Theo giá trị HD giữa VEC và Nhà thầu
3	Sửa chữa định kỳ	0	4.119		0	404.028		160.659	0	-	151.496	-	-	312.156	408.147	-	Chuyên tiếp năm 2022. Bổ sung một số công trình làm mới
3.1	Công trình chuyên tiếp		22.209				26.266						141.007			189.482	Ước tính
3.2	Công trình làm mới		22.250				303.345						14.800			340.395	Ước tính
4	Sửa chữa đột xuất	0	5.687	7.398	0	13.475	14.949	0	7.962	7.000	-	5.687	2.200	0	32.811	31.547	Ước tính
5	Công tác thu phí	45.115	47.854		65.979	115.995		47.361	60.544		52.323	65.365		210.778	289.758	-	
5.1	TASCO		18.669				52.423						35.293			131.460	Ước tính theo Hợp đồng số 35 giữa VEC và TASCO
5.2	Giảm sút thu phí của Nhà đầu tư (VECM)		7.462				9.404						7.079			29.012	Ước tính theo Thông tư 40/2021/TT-RGTVT ngày 31/12/2021
6	Hạng mục khác	5.092	9.870	6.337	11.578	21.095	11.905		13.273	22.090	7.746	14.605	6.990	24.415	58.844	47.322	Ước tính
7	Dự phòng		1087,01	5.833		4.056	26.330		2.331	4.901		1.268	12.346	0	8.743	49.411	5% (1-6)
8	Chi phí quản lý của VEC cho công tác QLKT	21.900	25.833	7.761	21.900	25.833	15.768	19.650	25.833	5.351	21.900	25.833	9.328	85.350	103.331	38.209	Ước tính theo các Thông tư của BGTVT, BXD
9	Trang bị hệ thống giám sát và đối soát dữ liệu thu phí tập trung các tuyến cao tốc do VEC quản lý															14.900	Ước tính của Ban CNTT
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>133.859</b>	<b>127.434</b>	<b>122.487</b>	<b>290.930</b>	<b>691.407</b>	<b>552.930</b>	<b>365.111</b>	<b>178.812</b>	<b>102.930</b>	<b>287.753</b>	<b>149.300</b>	<b>259.276</b>	<b>1.077.654</b>	<b>1.146.953</b>	<b>1.052.522</b>	

Ghi chú:

- PATC 3789: Phương án tài chính 5 dự án được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định 3789/QĐ-BGTVT ngày 23/11/2016
- PATC 2323: Phương án tài chính hòa chung dòng tiền 5 dự án để phục vụ cho việc thẩm định vốn của Hiệp định vay ADB lần 02 (3391-VIE) cho Dự án Bến Lức - Long Thành được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định 2323/QĐ-BGTVT ngày 23/11/2016
- Công tác thu phí tại PATC 2323 bao gồm cả chi phí MTC, và chi phí thuê ETC

th

**PHỤ LỤC 01**  
**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ KHAI THÁC NĂM 2023 - ĐƯỜNG CAO TỐC CẦU GIÉ - NINH BÌNH**

(Kèm theo Tờ trình số: 299/TT-Tr-VEC, ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tổng giám đốc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng/công việc chủ yếu	Kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	<b>QUẢN LÝ VẬN HÀNH</b>	Km	50	13.831	Năm 2023	Theo quy định	Mức độ 1	
1	Vận hành	Km	50	6.268				Thực hiện 2022 x 3,81% trượt giá
2	Kiểm soát tài trọng phương tiện	Lần cân	6	4.064				Thực hiện 2022 x 3,81% trượt giá
3	Vận hành trung tâm ITS	Tb	1	3.500				Ước tính theo Thông tư 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021
II	<b>BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN</b>			10.737	Năm 2023	Theo quy định	Mức độ 1	
1	Quản lý, kiểm tra công trình đường			995				
2	BDTX đường	Km	45,8	3.595				
3	BDTX cầu	mđ	3762	936				
4	BDTX điện chiếu sáng	Km	50	1.183				
5	BDTX cây xanh, thảm cỏ	TB		1.668				
6	BDTX hệ thống ITS, thiết bị thu phí	trạm	3	-				
7	BDTX nhà điều hành trạm thu phí	trạm	3	154				
7	BDTX hệ thống an toàn giao thông	Tạm tính	1	2.205				
III	<b>SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ</b>			44.459	Năm 2023	Theo quy định		
III.1	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			22.209				
1	Công trình sửa chữa hư hỏng mặt đường, hệ thống ATGT và kết cấu bộ phận công trình các cầu trên tuyến (bao gồm kinh phí xây dựng, tư vấn giám sát,...)	Km	50	9.725			Mức độ 1	Chuyển tiếp 2022. Cập nhật theo giá trị tại Báo cáo KTKT công trình
2	Sửa chữa hư hỏng hệ thống điện chiếu sáng	TB	1	12.484			Mức độ 1	Chuyển tiếp 2022. Ước tính bổ sung thêm chi phí
III.2	<b>Công trình làm mới</b>			22.250	Năm 2023	Theo quy định		
1	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kiểm soát tải trọng phương tiện			10.000			Mức độ 2	Ước tính
2	Sửa chữa hư hỏng công trình, hạng mục công trình - nút giao Liêm Tuyên			5.000			Mức độ 2	Ước tính
3	Sửa chữa hư hỏng công trình, hạng mục công trình Trung tâm điều hành đường cao tốc - Nút giao Vực Vòng			4.750			Mức độ 2	Ước tính theo báo cáo của VECM

PHỤ LỤC 01

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ KHAI THÁC NĂM 2023 - ĐƯỜNG CAO TỐC CẦU GIÉ - NINH BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số 24/TT-T.VEC, ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Tổng giám đốc)

TT	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng/công việc chủ yếu	Kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
4	Sửa chữa, thay thế tuyến cáp quang ITS dọc tuyến			2.500			Mức độ 2	Ước tính trên cơ sở giá trị HD số 04/HĐ-VEC/2022 ngày 11/01/2022 và các chi phí tư vấn cần thiết
IV	SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT			7.398	Năm 2022	Theo quy định		
1	Sửa chữa hư hỏng công trình, hạng mục công trình (mặt đường, cầu, cống,...)			2.775			Mức độ 2	Ước tính theo HD giữa VEC và VECS
2	Sửa chữa đột xuất hạng mục ATGT			4.128			Mức độ 2	Ước tính theo báo cáo của VECM
3	Trồng bổ sung cây xanh chống lóa dài phân cách giữa Km211-Km232			495			Mức độ 2	Ước tính
V	CÔNG TÁC THU PHÍ			26.131	Năm 2023	Theo quy định		
1	Tổ chức thu phí (ETC)	Trạm	3	18.669				
1.1	Chi phí thuê Front-End	Trạm	TB	4.083				
1.2	Chi phí Back-End		TB	5.053				Ước tính trên cơ sở giá trị Hợp đồng số 35 giữa VEC và TASCO
1.3	Chi phí vận hành		TB	8.877				
1.4	Chi phí BDTX hệ thống hiện có	lần	15	656				
2	Giám sát thu phí của Nhà đầu tư (VECM)	TB		7.462				Ước tính theo Thông tư 40/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021
2.1	01/01/2023 - 30/6/2023			3.495				Lương cơ sở 1,49tr/tháng
2.2	01/07/2023 - 31/12/2023			3.967				Lương cơ sở 1,8tr/tháng
VI	CÔNG TÁC KHÁC			6.337	Năm 2023	Theo quy định		
1	Thực thanh thực chi	tạm tính	1	3.837				KH2022 x 3,81%
2	Tuyển truyền	tạm tính	1	500				Ước tính
3	Chi phí Tư vấn (lập BCKTKT, DADT, lập thẩm tra dự toán,...)	Tạm tính	1	2.000				Ước tính
VII	CHI PHÍ QUẢN LÝ CỦA VEC			7.761	Năm 2023	Theo quy định		
1	Chi phí quản lý thu phí Nhà đầu tư			5.224				Ước tính theo Thông tư 40/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 = 70% chi phí Giám sát Nhà đầu tư

TH

**PHỤ LỤC 01**  
**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ KHAI THÁC NĂM 2023 - ĐƯỜNG CAO TỐC CẦU GIẾ - NINH BÌNH**  
 (Kèm theo Tờ trình số: 299/TT-Tr-PEC, ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tổng giám đốc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng/công việc chủ yếu	Kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
2	Chi phí quản lý vận hành, BDTX	%	3,5	1.081				Ước tính 3,5% chi phí theo Thông tư 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021. Chi phí thực tế tăng/giảm phụ thuộc vào giá trị hợp đồng/dự toán duyệt chính thức, tiền độ thực hiện các gói thầu.
3	Chi phí quản lý trong SCDK, ĐX			1.456				Ước tính theo TT 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021. Chi phí thực tế tăng/giảm phụ thuộc vào giá trị duyệt chính thức, tiền độ thực hiện các gói thầu.
<b>VIII</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>			<b>5.833</b>	Năm 2023	Theo quy định		Ước tính 5%
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>122.487</b>				

TH

**PHỤ LỤC 02**  
**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ VÀ THU PHÍ NĂM 2023**  
**ĐƯỜNG CAO TỐC NỘI BÀI - LÀO CAI**

(Kèm theo Tờ trình số 249/TT-Tr-VEC, ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Tổng giám đốc)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

STT	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng/ công việc chủ yếu	Kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	QUẢN LÝ VẬN HÀNH	Km	245	31.451	Năm 2023	Theo quy định	Mức độ 1	KH2022 x 3,81% trượt giá
II	BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN	Km	245	61.088	Năm 2023	Theo quy định	Mức độ 1	
1	Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường cao tốc	TB	1	4.156				
2	Bảo dưỡng thường xuyên mặt đường	TB	1	3.777				
3	Bảo dưỡng thường xuyên nền đường	TB	1	8.072				
4	Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống thoát nước	TB	1	13.445				
5	Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống an toàn giao thông	TB	1	12.607				
6	Bảo dưỡng thường xuyên cầu	TB	1	5.317				
7	Duy trì hệ thống cây xanh	TB	1	2.831				
8	Bảo dưỡng thường xuyên hệ thống điện	TB	1	3.227				
9	Bảo dưỡng thường xuyên hầm	TB	1	266				
10	Bảo dưỡng thường xuyên nhà điều hành trạm thu phí	TB	1	270				
11	Quản lý, kiểm tra công trình	TT	1	7.119				Giá trị kế hoạch năm 2022 nhân trượt giá 3,81%
III	SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ			329.611	Năm 2023	Theo quy định		Nguồn kinh phí dự của PATC 3789 chuyển tiếp các năm
III.1	Công trình chuyển tiếp			26.266				
1	Nâng cao độ lòng cống chui dân sinh Km26+050, Km26+643, Km30+575, Km34+140, Km35+746, Km36+460, Km36+915	TB	1	858			Mức độ 1	Chuyển tiếp 2022, cấp nhật giá trị theo Tờ trình số 183/TTK.TĐB-TT ngày 22/4/2022
2	Quan trắc môi trường theo yêu cầu của ADB	TB	480	480			Mức độ 1	Chuyển tiếp 2022
3	Xây dựng nhà điều hành nút giao IC11	TT	1	7.028			Mức độ 1	Chuyển tiếp 2022 và cấp nhật kinh phí ước tính theo Báo cáo KTKT

TH

**PHỤ LỤC 02**  
**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ VÀ THU PHÍ NĂM 2023**  
**DƯỜNG CAO TỐC NỘI BÀI - LÀO CAI**

(Kèm theo Tờ trình số 240/TT-Tr-VEC, ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tổng giám đốc)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

STT	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng/ công việc chủ yếu	Kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Sửa chữa, chỉnh trang hệ thống báo hiệu đường bộ và ATGT	TT	1	14.900			Mức độ 1	Chuyển tiếp 2022 và cấp nhật giá trị (TVTK đang khảo sát lập BCKTKT Hợp đồng 63/HĐTV-VEC/2022)
5	Gia cố hư hỏng mái taluy	TT	1	3.000			Mức độ 1	Chuyển tiếp 2022
<b>III.2</b>	<b>Công trình làm mới</b>			<b>303.345</b>	Năm 2023			
1	Sửa chữa mặt đường và bù lún đoạn (Km0-Km7+500)			6.464			Mức độ 1	Ước tính
2	Sửa chữa mặt đường và bù lún đoạn (Km35+320-Km46+700)			14.945			Mức độ 1	Ước tính
3	Sửa chữa mặt đường và bù lún phạm vi nút giao [C7 (Km48+970-Km49+120)			14.893			Mức độ 1	Ước tính
4	Sửa chữa mặt đường đoạn (Km88+760-Km109+880)			14.936			Mức độ 1	Ước tính
5	Sửa chữa mặt đường đoạn (Km118+804-Km133+790)			11.489			Mức độ 1	Ước tính
6	Sửa chữa mặt đường đoạn (Km136+470-Km147+500)			14.942			Mức độ 1	Ước tính
7	Sửa chữa mặt đường đoạn (Km160+100-Km169+050)			14.903			Mức độ 1	Ước tính
8	Sửa chữa mặt đường và bù lún đoạn Km8+760-Km10+640) và (Km24+00-Km25+600);(Km10+770-Km13+740);(Km15-Km22+460);(Km49+250-Km64+304); (Km64+300-Km78+700) và các vị trí khác trên toàn tuyến			171.404			Mức độ 2	
2	Sửa chữa nhà trạm	TT	1	14.369			Mức độ 2	Ước tính
3	Sửa chữa, khôi phục hệ thống an toàn giao thông			25.000			Mức độ 2	Ước tính

vt

PHỤ LỤC 02

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ VÀ THU PHÍ NĂM 2023  
ĐƯỜNG CAO TỐC NỘI BÀI - LÀO CAI

(Kèm theo Tờ trình số: 20/TTTr-VEC, ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tổng giám đốc)

STT	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng/ công việc chủ yếu	Kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>IV</b>	<b>SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT</b>			14.949	Năm 2023	Theo quy định		
1	Sửa chữa đột xuất hư hỏng mặt đường	TB	1	4.449				Ước tính
2	Sửa chữa đột xuất hư hỏng hệ thống điện	TB	1	1.000				Ước tính
3	Sửa chữa đột xuất hệ thống báo hiệu đường bộ và ATGT	TB	1	2.000				Ước tính
4	Sửa chữa đột xuất hư hỏng hệ thống kiểm soát tải trọng	Làn	15	7.500				Ước tính 500tr/làn cân
<b>V</b>	<b>TỔ CHỨC THU PHÍ</b>			61.826	Năm 2023	Theo quy định	Mức độ 1	
1	Chi phí thu phí (ETC)	TB	1	52.423				Ước tính trên cơ sở giá trị Hợp đồng số 35 giữa VEC và TASCO
1.1	Chi phí thuê Front-End			17.906				
1.2	Chi phí Back-End			9.338				
1.3	Chi phí vận hành			24.829				
1.4	Chi phí BDTX hệ thống hiện có			350				
2	Giám sát thu phí của Nhà đầu tư (VECM)	TB	1	9.404				Ước tính theo Thông tư 40/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021
2.1	01/01/2023 - 30/6/2023			4.398				Lương cơ sở 1,49tr/tháng
2.2	01/07/2023 - 31/12/2023			5.006				Lương cơ sở 1,8tr/tháng
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>			11.905	Năm 2023	Theo quy định		
1	Thực thanh thực chi	TB	1	9.552				Kế hoạch 2022 x 3,81%
2	Kiểm định cân	TB	1	353				Kế hoạch 2022 x 3,81% trượt giá
3	Chi phí Tư vấn (lập BCKTKT, DADT, lập thẩm tra dự toán,...)	TB	1	2.000				Ước tính

vt

**PHỤ LỤC 02**  
**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ VÀ THU PHÍ NĂM 2023**  
**ĐƯỜNG CAO TỐC NỘI BÀI - LÃO CAI**  
 (Kèm theo Tờ trình số: ~~44~~/TT-VEC, ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tổng giám đốc)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

STT	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng/ công việc chủ yếu	Kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>VII</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CỦA VEC</b>			15.768	Năm 2023	Theo quy định		
1	Chi phí quản lý thu phí Nhà đầu tư			6.583				Ước tính theo Thông tư 40/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 = 70% chi phí Giám sát Nhà đầu tư
2	Chi phí quản lý vận hành, BDTX	%	3,5	3.660				Ước tính 3,5% chi phí theo Thông tư 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021. Chi phí thực tế tăng/giảm phụ thuộc vào giá trị hợp đồng/dự toán duyệt chính thức, tiền độ thực hiện các gói thầu.
3	Chi phí quản lý trong SCDK, DX			5.525				Ước tính theo TT 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021. Chi phí thực tế tăng/giảm phụ thuộc vào giá trị duyệt chính thức, tiền độ thực hiện các gói thầu.
<b>VIII</b>	<b>DỰ PHÒNG</b>			<b>26.330</b>	Năm 2023	Theo quy định		Tạm tính 5%
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>552.930</b>				

TH

PHỤ LỤC 03

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ VÀ THU PHÍ NĂM 2023

ĐƯỜNG CAO TỐC ĐÀ NẴNG - QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Tờ trình số 44/MTr-VEC, ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tổng giám đốc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng/công việc chủ yếu	Kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	QUẢN LÝ VẬN HÀNH	Km	139	9.530	Năm 2023	Theo quy định	Mức độ 1	Thực hiện 2022 x 3,81% trượt giá
II	BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN	Km	139	23.915	Năm 2023	Theo quy định	Mức độ 1	Kế hoạch 2022 x 3,81% trượt giá
1	BDTX đường	Km		12.749				
2	BDTX cầu	md		5.020				
3	BDTX hầm	TB		809				
4	BDTX điện chiếu sáng	TB		3.036				
5	BDTX cây xanh, thảm cỏ	TB		2.301				
III	TỔ CHỨC THU PHÍ			30.143	Năm 2023	Theo quy định	Mức độ 1	
1	Tổ chức thu phí (ETC)	TB	7	25.076				Ước tính trên cơ sở giá trị Hợp đồng số 35 giữa VEC và TASCO
1.1	Chi phí thuê Front-End			8.667				
1.2	Chi phí Back-End			3.786				
1.3	Chi phí vận hành			12.624				
2	Giám sát thu phí của Nhà đầu tư (VECM)	TB	7	5.066				Ước tính theo Thông tư 40/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021
2.1	01/01/2023 - 30/6/2023			2.373				Lương cơ sở 1,49tr/tháng
2.2	01/07/2023 - 31/12/2023			2.693				Lương cơ sở 1,80tr/tháng
IV	SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ	TB	0	0	Năm 2023	Theo quy định		
V	SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT	tạm tính		7.000	Năm 2023	Theo quy định		Ước tính 50tr/Km
VI	HẠNG MỤC KHÁC			22.090	Năm 2023	Theo quy định		
1	Tuyên truyền	tạm tính	1	283				KH2022 x 3,81% trượt giá.

HA

PHỤ LỤC 04

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ VÀ THU PHÍ NĂM 2023  
ĐƯỜNG CAO TỐC TP. HỒ CHÍ MINH - LONG THÀNH - DẦU GIẤY

(Kèm theo Tờ trình số 244/TT-VEC, ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Tổng giám đốc)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Stt	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng/công việc chủ yếu	Kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	QUẢN LÝ VẬN HÀNH	km	50,983	11.329	Năm 2023	Theo quy định	Mức độ 1	Thực hiện 2022 x 3,81% trượt giá
II	BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN	km	50,983	18.903	Năm 2023	Theo quy định	Mức độ 1	
1	Bảo dưỡng thường xuyên đường	TB	1	8.240				
2	Bảo dưỡng thường xuyên công trình cầu	TB	1	2.364				
3	Duy trì hệ thống cây xanh	TB	1	1.957				
4	Bảo dưỡng hệ thống điện	TB	1	1.571				
5	Công tác quản lý, bảo dưỡng trạm thu phí và ITS	TB	1	226				
6	Bảo dưỡng thường xuyên nhà điều hành trạm thu phí	TB	1	212				
7	Đảm bảo an toàn giao thông, vận chuyển nhân công, thiết bị thi công	TB	1	2.470				Theo giá trị Hợp đồng số 65/HĐ-VEC/2022, gói O&M1-HLD-2022 ngày 30/9/2022 giữa VEC và Công ty 238
8	Quản lý, kiểm tra công trình	TB	1	1.863				
III	SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ			155.807	Năm 2023	Theo quy định		Nguồn kinh phí dư của PATC 3789 chuyển tiếp các
III.1	Công trình chuyển tiếp			141.007				
1	Sửa chữa mặt đường, sơn lại vạch sơn kẻ đường, an toàn giao thông, bổ sung định phản quang	TB	1					
1.1	Sửa chữa mặt đường Km16+385 - Km18+310 (PT) và phạm vi nút giao Quốc lộ 51 (Km23+200)			14.299			Mức độ 1	HĐTV đã có Quyết định phê duyệt KHLCNT Tư vấn số 254/QĐ-HĐTV-VEC ngày 10/5/2022, căn cứ giá trị tính toán của Tư vấn

**PHỤ LỤC 04**

**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ VÀ THU PHÍ NĂM 2023**

**DƯỞNG CAO TỐC TP. HỒ CHÍ MINH - LONG THÀNH - DẦU GIAY**

(Kèm theo Tờ trình số 260/TTTr-VEC, ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tổng giám đốc)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Stt	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng/công việc chủ yếu	Kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
1,2	Sửa chữa sơn vạch kẻ đường Km23+900 - Km54+982			14.180			Mức độ 1	Theo giá trị BCKTKT tại Quyết định số 616/QĐ-VEC ngày 27/10/2022
1,3	Sửa chữa mặt đường, sơn lại vạch sơn kẻ đường, an toàn giao thông, bổ sung đỉnh phản quang những vị trí khác trên tuyến			106.428			Mức độ 1	Chuyển tiếp 2022, cập nhật giá trị theo Tờ trình số 1843/TTTr-VEC ngày 22/8/2022)
2	Sửa chữa dầm A2-A-A2-P1 và gối cầu mô A2-A, trụ A2-P1 thuộc nhánh A2 - Nút giao Vành Đai 2	Tạm tính		2.500			Mức độ 1	Chuyển tiếp 2022
3	Sửa chữa hệ thống điện, điện chiếu sáng trên toàn tuyến			3.601			Mức độ 1	Chuyển tiếp 2022, ước tính 25% giá trị giải ngân trong năm 2023
<b>III.2</b>	<b>Công trình làm mới</b>			<b>14.800</b>				
1	Sửa chữa mặt đường: Km18+000-Km20+000 (TT), Km38+000-Km40+000 (PT), Km43+600 đến Km43+700 (PT), Km45+000 đến Km45+350 (PT), Km48+500 đến Km48+600 (PT), Km41+170 đến Km41+270 (TT), Km47+300 đến Km47+400 (TT); Sửa chữa mặt đường Quốc lộ 1A đoạn nút giao Dầu Giây			14.800			Mức độ 1	Ước tính
<b>IV</b>	<b>SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT</b>	Tạm tính		<b>2.200</b>	Năm 2023	Theo quy định		KH 2022 * 3,81%
1	Sửa chữa hư hỏng công trình, hạng mục công trình (mặt đường, cầu, cống....)	Tạm tính		2.200				Ước tính theo giá trị Hợp đồng số 65/HĐ-VEC/2022, gói O&M1-HL/D-2022 ngày 30/9/2022 giữa VEC và Công ty 238
<b>V</b>	<b>TỔ CHỨC THU PHÍ</b>	Trạm	3	<b>42.372</b>	Năm 2023	Theo quy định		

th

**PHỤ LỤC 04**

**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ VÀ THU PHÍ NĂM 2023  
ĐƯỜNG CAO TỐC TP. HỒ CHÍ MINH - LONG THÀNH - DẦU GIẦY**

(Kèm theo Tờ trình số 44/TT-Tr-VEC, ngày 11/10/2023 của Tổng giám đốc)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Stt	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng/công việc chủ yếu	Kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
1	Chi phí thu phí (ETC)			30.410				- Theo HD 35/VEC-TASCO tính cho năm 2023. - Ước tính bổ sung chi phí trạm thu phí kết nối giữa HLJĐ và Biên Hòa - VT
1,1	Chi phí thuê Front-End			8.116				
1,2	Chi phí Back-End			9.063				
1,3	Chi phí vận hành			13.231				
2	Giám sát thu phí của Nhà đầu tư (VECM)			7.079				Tính theo Thông tư 40/2021/TT-BGTVT
2,1	01/01/2023 - 30/6/2023			3.327				Lương cơ sở 1,49tr/tháng
2,2	01/07/2023 - 31/12/2023			3.752				Lương cơ sở 1,80tr/tháng
3	Chi phí điện năng, nhiên liệu			4.883				Kế hoạch 2022 * 3,81%
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>			<b>6.990</b>	Năm 2023	Theo quy định		
1	Thực thanh - Thực chi	Tạm tính	1	5.663				Kế hoạch 2022 * 3,81%
2	Chi phí tuyên truyền	Tạm tính	1	327				Kế hoạch 2022 * 3,81%
3	Chi phí Tư vấn (lập BCKTKT, DADT, lập thẩm tra dự toán,...)	TB	1	1.000				Ước tính
<b>VII</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CỦA VEC</b>			<b>9.328</b>	Năm 2023	Theo quy định		Theo QĐ 3789/QĐ-BGTVT
1	Chi phí quản lý thu phí Nhà đầu tư			4.956				Tính theo Thông tư 40/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021
2	Chi phí quản lý vận hành, BDTX	%	3,5	1.462				Ước tính 3,5% chi phí theo Thông tư 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021. Chi phí thực tế tăng/giảm phụ thuộc vào giá trị hợp đồng/dự toán duyệt chính thức, tiến độ thực hiện các gói thầu.

HA

PHỤ LỤC 04

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VẬN HÀNH, BẢO TRÌ VÀ THU PHÍ NĂM 2023  
ĐƯỜNG CAO TỐC TP. HỒ CHÍ MINH - LONG THÀNH - DẦU GIẦY

(Kèm theo Tờ trình số 24/TT-VEC, ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Tổng giám đốc)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Stt	Công trình, hạng mục công trình	Đơn vị tính	Khối lượng/công việc chủ yếu	Kinh phí dự kiến thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
3	Chi phí quản lý trong SCDK, ĐX	%		2.911				Ước tính theo TT 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021. Chi phí thực tế tăng/giảm phụ thuộc vào giá trị duyệt chính thức, tiền độ thực hiện các gói thầu.
VIII	DỰ PHÒNG			12.346	Năm 2023	Theo quy định		5% Tổng kinh phí chưa tính Mục VIII chi phí QL của VEC
	TỔNG CỘNG			259.276				

th